TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 20-9-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu khai thác, di dời cây trồng trên đất để trả lại đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Ngọc Toản

Bà Nông Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-DS, ngày 08/5/2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu khai thác, di dời tài sản trên đất đi nơi khác để trả lại đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS, ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QDST-DS, ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Thanh T (Hoàng Văn T1), sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hoàng Thanh T: Bà Nông Thị T2, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nông Thị H, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Vi Thị P, sinh năm 1961. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1945. Vắng mặt.

3. Bà Mỗ Thị M, sinh năm 1952. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1980. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1955. Vắng mặt.

6. Anh Hoàng Trọng Q, sinh năm 1986. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

7. Anh Hoàng Đức T4, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

8. Bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1950. Vắng mặt.

9. Anh Hoàng Hùng T5, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Số A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

10. Chị Hoàng Thị Lan H1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

11. Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự Hoàng Thị T3, Mỗ Thị M1, Hoàng Đình N, Hoàng Thị Đ, Hoàng Trọng Q, Hoàng Đức T4, Hoàng Thị Đ1, Hoàng Hùng T5, Hoàng Thị Lan H1, Hoàng Thị N1 đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

12. Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1985. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, ông Hoàng Thanh T trình bày: Gia đình ông có khu đất trồng rừng có tên gọi Pò Lăng L, thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, năm 1995 được Nhà nước giao hồ sơ giao quyền quản lý bảo vệ rừng và đất trồng rừng (gọi tắt là sổ Bìa xanh) lô 54, diện tích 1,5 ha mang tên Hoàng Văn T1, năm 1997 ông đã chia cho họ ông Lộc Văn Đ2 một phần diện tích của lô 54, diện tích còn lại ông canh tách là 0,5 ha. Năm 2004 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 54 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H. Năm 2009 ông được Nhà nước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 422, diện tích 5.517 m^2, tờ bản đồ địa chính đất lam nghiệp số 3 xã H. Năm 2014 ông phát hiện ông ông Hoàng Văn T6 (tức Hoàng Văn T7) chồng bà Nông Thị H trồng mỡ trên một phần diện tích đất của ông tại thửa 422, nhưng do là anh em ruột, nên ông không có ý kiến gì và chờ đến khi khai thác cây mỡ ông sẽ đòi lại đất, tháng

9/2022 ông Hoàng Thanh T trồng 130 cây mỡ xuống khu vực sát bờ ruông bà Nông Thị H thuộc diện tích của thửa 422 thì bà Nông Thị H nhổ phá 65 cây mỡ do ông mới trồng thì phát sinh tranh chấp về đất khoảng 1.344 m^2. Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản cây tạp, cây mạy Pì là của chung gia đình ông Hoàng Thanh T. Công nhận các cây Mỡ trên đất tranh chấp là do ông ông Hoàng Văn T6 trồng. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, tứ cận tiếp giáp tranh chấp không thay đổi ông Hoàng Thanh T yêu cầu Tòa án quyết các yêu cầu:

- Yêu cầu bà Nông Thị H2 và các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất rừng là 659,1m^2 (Đỉnh A-B-C-D-E-F-G-H theo mảng trích đo địa chính số 78-2023 của công ty T9 Lạng Sơn ngày 14/7/2023), nằm trong một phần thửa đất số 422, tờ bản đồ địa chính Lâm nghiệp số 03. Tọa lạc tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để gia đình ông Hoàng Thanh T (gồm: Ông Hoàng Thanh T, Vi Thị P, Hoàng Trọng Q, Hoàng Thị N1) tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất này.

- Yêu cầu bà Nông Thị H di dời, khai thác toàn bộ số cây mỡ đã trồng, cây mỡ tài sinh trên diện tích đất tranh chấp thuộc diện tích đất rừng là 659,1m^2 (Đỉnh A-B-C-D-E-F-G-H theo mảng trích đo địa chính số 78-2023 của công ty T9 Lạng Sơn ngày 14/7/2023) (theo biên bản thẩm định ngày 14/7/2023) trả lại đất cho gia đình ông Hoàng Thanh T tiếp tục quản lý sử dụng.

- Yêu cầu bà Nông Thị H bồi thường cho ông Hoàng Thanh T giá trị thiệt hại tính bằng tiền đối với số cây mỡ đã bị nhổ: 65 cây x 10.000 đồng/1 cây = 650.000 đồng.

- Gia đình ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu 01 bụi Mạy Pì và toàn bộ cây tạp trên đất tranh chấp (theo biên bản thẩm định ngày 14/7/2023).

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố bà Vi Thị P trình bày: Bà kết hôn với ông Hoàng Thanh T và chung sống tại thôn N (nay là thôn N), xã H cho đến nay và thừa nhận gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 422, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 3 xã H như ông Hoàng Thanh T trình bày và cùng có yêu cầu bà Nông Thị H phải di dời những cây mỡ trồng trên đất của ông đi nơi khác để trả lại đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng, buộc bà Nông Thị H phải bồi thường thiệt hại 65 cây mỡ của ông do bị nhổ phá với số tiền là 650,000 đồng.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố anh Hoàng Trọng Q và chị Hoàng Thị N1 trình bày: Anh chị là con của ông Hoàng Thanh T và bà Vi Thị P và thừa nhận gia đình anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 422, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 3 xã H như ông Hoàng Thanh T trình bày và cùng có yêu cầu bà Nông Thị H phải di dời những cây mỡ trồng trên đất của gia đình đi nơi khác để trả lại đất cho gia đình ông Hoàng Thanh T tiếp tục quản lý, sử dụng, buộc bà Nông Thị H phải bồi thường thiệt hại 65 cây mỡ của ông do bị nhổ phá và chấm dứt hành vi tranh chấp.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Nông Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Hoàng Văn T6 (tức Hoàng Văn T7) năm 1986 và sinh

sống bên nhà chồng ở cùng mẹ chồng tại thôn N (nay là thôn N), xã H cho đến nay. Bố chồng là ông Hoàng Văn K (chết năm 1984) và mẹ chồng là Hoàng Thị L1, (chết năm 1999), chồng của bà có 6 anh chị em ruột, bà Hoàng Thị T3 là con cả, anh thứ hai là Hoàng Hùng Q1, sinh năm 1948, (chết năm 2002), vợ là Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1950, các con là Hoàng Hùng T5, sinh năm 1983, Hoàng Thị Lan H1, sinh năm 1982, người anh thứ 3 là Hoàng Văn C1, sinh năm 1952, (chết năm 1995) vợ là Mỗ Thị M, sinh năm 1952, các con là Hoàng Đức T4, sinh năm 1976, Hoàng Đình N, sinh năm 1980, Hoàng Thị C, sinh năm 1985, người con thứ tư là Hoàng Thị Đ, sinh năm 1955, người anh thứ năm là Hoàng Thanh T, sinh năm 1959, người thứ 6 là chồng của bà tên là Hoàng Văn T6 (tên khác Hoàng Văn T7), sinh năm 1963 (chết năm 2021).

Năm 1994, gia đình tổ chức chia ruộng, vườn và đất trồng rừng, khi đó mẹ chồng là bà Hoàng Thị L1 còn sống đã chia cho gia đình bà phần đất Lọ Kiệu trên ruộng, trên ruộng được chia là đất sườn đồi theo đường hào ngăn trâu trở xuống, phía trên là đất của ông Hoàng Thanh T, việc chia đất rừng không có giấy tờ và không ai làm chứng, khi chồng bà là ông Hoàng Văn T6 còn sống đã đem cây mỡ được phát theo chương trình hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã H trồng và tự phát và đã được khai thác chặt tỉa 2 lần, tháng 10/2022 bà phát hiện ông Hoàng Thanh T trồng mỡ xuống khu vực đất của gia đình nên bà đã nhổ phá 10 cây và phát sinh tranh chấp. Do đó bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, anh Hoàng Văn C2 và Hoàng Văn K1 trình bày: Các anh là con của ông Hoàng Văn T6 và bà Nông Thị H về đất tranh chấp thuộc đất trên bờ ruộng của gia đình có tên gọi là Pàn Lọ K2, về cây mỡ do bố là ông Hoàng Văn T6 trồng, đã được khai thác chặt tỉa 2 lần, số cây mỡ còn lại do còi cọc và bố trồng dặm nhưng không nhớ năm trồng, bố anh đã chết năm 2021, về đất bố mẹ chưa chia cho các con, về cây trên đất do mẹ là bà Nông Thị H toàn quyền quyết định, các anh ủy quyền cho mẹ là bà Nông Thị H tham gia tố tụng..

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Hoàng Thị T3 trình bày: Bà kết hôn với ông Lộc Văn Đ2 và sinh sống tại N (nay là thôn N), xã H cho đến nay. Năm 1997, bà được ông Hoàng Thanh T là em ruột chia cho vợ chồng bà một phần thửa đất Pò Lăng Lườn từ đường hào trở ra và không tranh chấp và đã được tách sổ bìa xanh, nhưng nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về phần đất có tranh chấp hiện nay 01 bụi mạy Pì do bố mẹ bà trồng để lại, bà không được quản lý sử dụng lần nào và không yêu cầu giải quyết về quyền lợi trong vụ án này và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Hoàng Thị Đ1 (vợ ông Hoàng Hùng Q1 chết năm 2002) cùng các con là Hoàng Hùng T5, Hoàng Thị Lan H1 trình bày: Bà và các con đã biết được nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Thanh T với bà Nông Thị H và không đòi hỏi gì về đất tranh chấp, không đòi hỏi gì về quyền lợi đối với bụi tre và bụi mạy pì trên đất tranh chấp và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Mỗ Thị M (vợ ông Hoàng Văn C1 chết năm 1995) cùng các con là Hoàng Đức T4, Hoàng Đình N trình bày: Bà và các con đã biết được nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Thanh T với bà Nông Thị H và không đòi hỏi gì về đất tranh chấp, không đòi hỏi gì về quyền lợi đối với bụi tre và bụi mạy pì trên đất tranh chấp do ông bà là Hoàng Văn K, Hoàng Thị L1 trồng để lại và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Riêng chị Hoàng Thị C là con gái của ông Hoàng Văn C1 và bà Mỗ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà không đến Tòa án trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà Hoàng Thị Đ trình bày: Bà đã biết được nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Thanh T với bà Nông Thị H và không đòi hỏi gì về đất tranh chấp, không đòi hỏi gì về quyền lợi đối với bụi tre và bụi mạy pì trên đất tranh chấp do ông bà là Hoàng Văn K, Hoàng Thị L1 trồng để lại, bà biết được năm 1994 ông Hoàng Thanh T được Nhà nước giao sổ bìa xanh cho ông Hoàng Thanh T nhưng trong gia đình không ai có ý kiến thắc mắc gì và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ngày 14/7/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định đất tranh chấp là S = 659,1 m^2 (Đỉnh A-B-C-D-E-F-G-H) thuộc một phần diện tích của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là khu đất sườn đồi có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp hiện nay do bà Hoàng Thị T3 quản lý, sử dụng ngăn cách nhau bởi đường hào, từ các điểm A đến B có chiều dài 16,04 mét.

- Phía Đông tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ các điểm B, C, D, E có chiều dài 44,53 mét.

- Phía Tây tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ các điểm A, H, G, F có chiều dài 48,78 mét.

- Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ điểm E, F có chiều dài là 10,76 mét.

(theo mảnh trích đo địa chính số 78-20023 ngày 14/7/2023 của công ty cổ phần T9 Lạng Sơn)

Diện tích tranh chấp đo được là S = 659,1 m^2 (Đỉnh A-B-C-D-E-F-G-H) theo kết quả định giá đất rừng sản xuất giá trị 5.000 đồng / 1 m^2 = 3.295.500 đồng. Trên một nửa diện tích đất tranh chấp tại phía Nam có 45 cây mỡ đường kính gốc từ 5 cm đến 20 cm theo kết quả định giá có tổng giá trị là 1.028.000 đồng và 13 gốc cây mỡ đã khai thác hiện nay đã mọc tái sinh mầm cao khoảng 1 mét do không có quy định về định giá và các đương sự thống nhất giá trị là 0 đồng, các bên thừa nhận do ông Hoàng Văn T6 là chồng bà Nông Thị H trồng, còn một nửa diện tích đất tranh chấp tại phía Bắc là khoảng đất trống, trên đất có

01 bụi cây Mạy Pì có 15 cây đã ra lá, cành và 3 cây măng có tổng giá trị là 81.000 đồng, khu vực đất trống có 21 cây tạp mọc tự nhiên đường kính gốc từ 5 cm đến 20 cm có tổng giá trị 565.000 đồng, xen kẽ tại khu có cây tạp này ông Hoàng Thanh T cho rằng tháng 9/2022 ông đã trồng 130 cây mỡ và đã bị bà Nông Thị H nhổ phá 65 cây, khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không còn có loại cây mỡ mới trồng.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/8/2023 nhưng không thành, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm về yêu cầu và nội dung tranh chấp.

Tại công văn số 417/NN, ngày 14/8/2023 Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B cho biết: Đối với loại cây mỡ có đường kính nhỏ nhất là 5 cm, lớn nhất 20 cm không thể di dời được, việc di dời sẽ không đảm bảo sống và phát triển bình thường được.

Tại công văn số: 1792/UBND-TNMT ngày 11/9/2023, Ủy ban nhân dân huyện B cho biết: Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vị trí tranh chấp tại thửa 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H cho hộ ông Hoàng Thanh T đúng quy trình của của Luật đất đai và Nghị định hướng dẫn thi hành. Xác định ranh giới thửa 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H thửa số 10 tờ bản đồ địa chính số 161 xã H từ 1 đến 3 mét.

Tại công văn số 560/UBND, ngày 13/9/2023 Ủy ban nhân dân xã H cho biết: Từ năm 1994 đến trước thời điểm tranh chấp chưa có ai đề nghị giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, việc cấp phát cây mỡ cho các hộ dân theo chương trình hộ nghèo để trồng cây phân tán, không có hồ sơ thiết kế vùng trồng, trải qua nhiều lần thay đổi cán bộ phụ trách, nên không tìm thấy danh sách cấp phát cây con của những năm trước đây.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường thiệt về 65 cây hồi, còn các nội dung khác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên nguyên đơn phát biểu luận cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích tranh chấp, về yêu cầu khai thác, di dời cây trồng trên đất đi nơi khác đề nghị giải quyết theo quy định, về yêu cầu bồi thường thiệt hại 65 cây mỡ bị nhổ phá nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng để trả lại cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự khi tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nên không có kiến nghị gì.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 186, 189, 190 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 26, 91, 157, 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết: Về nội dung, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T. Yêu cầu bà Nông Thị H cùng các thành viên trong gia đình chấm dứt tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H. Về cây mỡ của bà H trồng trên đất tranh cấp giao cho ông Hoàng Thanh T quản lý sử dụng, định đoạt ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền tương ứng với số cây mỡ cho bà H, gia đình ông T được quyền sờ hữu cây tạp. Ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu bụi cây mạy pì. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về số cây mỡ bị bà H nhổ phá tại phiên tòa ông Hoàng Thanh T rút yêu cầu. Yêu cầu bà Nông Thị H phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Thanh T quản lý, sử dụng. Về án và chi phí tố tụng giải quyết theo quy định .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, yêu cầu bà Nông Thị H di dời, khai thác cây trồng trên đất đi nơi khác để trả lại diện tích đất tranh chấp, cho ông Hoàng Thanh T quản lý, sử dụng, yêu cầu buộc bà Nông Thị H phải bồi thường thiệt hại về số cây mỡ bị nhổ phá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu khai thác, di dời tài sản trên đất đi nơi khác để trả lại đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"* theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tống đạt, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, bị đơn không có yêu cầu phản tố, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập và đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, người liên quan là chị Hoàng Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do và không có lời trình bày về quan điểm giải quyết vụ án. Do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[4] Về phạm vi xem xét đất tranh chấp: Khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, bà Nông Thị H có chỉ chỗ cho rằng trước đây bà Hoàng Thị L1 đã chia đất cho bà từ bậc hào ngăn trâu từ các điểm A, K, L, M, G, H trở xuống đến khe giáp

ruộng tại thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 161 xã H, nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nông Thị H không có yêu cầu phản tố đối với diện tích này, bà xác định chỉ nhằm mục đích chứng mình quyền quản lý đối với khu đất tranh chấp, nên không xem xét đối với diện tích này. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi thay đổi về diện tích tranh chấp quyền sử dụng đất từ khoảng 1.344 m^2 theo đơn khởi kiện xuống còn 659,1 m^2 theo kết quả đo đạc bản đồ nơi tranh chấp. Quá trình thẩm định tại chỗ các đương sự đều công nhận vị trí tranh chấp, tứ cận tiếp giáp không thay đổi nên việc thay đổi nằm trong phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận. Các đương sự thừa nhận diện tích đất tranh chấp là S = 659,1 m^2 (Đỉnh A-B-C-D-E-F-G-H) *(mảnh trích đo địa chính số 78-20023 ngày 14/7/2023 của công ty cổ phần T9 Lạng Sơn).* Do đó, Tòa án chỉ xem xét các vấn đề liên quan nằm trong phạm vi diện tích đất tranh chấp này.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Khu đất tranh chấp là đất rừng tự nhiên có tên gọi là Pò Lăng L (Pàn Lọ K hoặc Pàn N) thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, trước năm 1990 bố mẹ ông Hoàng Thanh T là ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị L1 phát làm nương sắn và trồng trên đất 01 bụi Tre và 01 bụi Mạy Pì, sau đó do đất cằn cỗi đã không canh tác mà cho cây tạp mọc tái sinh. Năm 1995, ông Hoàng Văn T1 (tức Hoàng Thanh T) đã kê khai và được giao sổ bìa xanh lô 54, diện tích 1,5 ha để khoanh nuôi bảo vệ rừng. Năm 1997, ông Hoàng Thanh T đã chia tách cho ông Lộc Văn Đ2 (chồng bà Hoàng Thị T3) 0,5 ha, chia tách cho ông Hoàng Văn H3 (bố của Hoàng Văn T8) 0,5 ha, diện tích còn lại thửa 54 của ông Hoàng Thanh T là 0,5 ha, trên đất có 1 bụi Mạy Pì và 01 bụi Tre như đã nêu trên. Năm 2004 được cấp đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y180203 số vào sổ 00072/QĐ-UB (H), ngày 29/9/2004 thửa 54, diện tích 5.000 m^2 tờ bản đồ giao đất xã H đều mang tên hộ ông Hoàng Văn T1. Năm 2009 được cấp đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 970247 số và sổ cấp GCN: H00386-2322/QĐ-UBND, ngày 27/10/2009 thửa 422 diện tích 5.000 m^2 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H mang tên hộ ông Hoàng Thanh T. Trong quá trình quản lý khoanh nuôi bảo vệ rừng, năm 2014 ông Hoàng Thanh T phát hiện em ruột của mình là ông Hoàng Văn T6 (chồng bà Nông Thị H) trồng mỡ trên thửa đất 422 của mình, nhưng do là em ruột, nên ông không phản đối việc ông Hoàng Văn T6 trồng cây với mục đích để sau nay ông Hoàng Văn T6 khai thác cây mỡ thì ông đòi lại đất để quản lý sử dụng theo diện tích đã được cấp. Năm 2021 ông Hoàng Văn T6 chết, tháng 9 năm 2022 ông Hoàng Thanh T đem 130 cây mỡ trồng vào khoảng trống tiếp giáp với phần đất ông Hoàng Văn T6 đã trồng mỡ trước đó, tháng 10/2022 bà Nông Thị H phát hiện ông Hoàng Thanh T trồng mỡ gần khu vực cây mỡ của chồng mình đã trồng trước đó và cho rằng đất của nhà mình, nên đã nhổ phá cây mỡ của ông Hoàng Thanh T và phát sinh tranh chấp.

[6] Về tài sản có trên đất tranh chấp: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2023 thì thấy: Đất tranh chấp có diện tích là 659,1 m^2 từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, H thuộc một phần diện tích của thửa đất 422, tờ bản đồ địa

chính đất lâm nghiệp số 3 xã H theo mảnh trích đo số 78-2023, ngày 14/7/2023 của Công ty cổ phần T9 Lạng Sơn, về đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Thanh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 970247 số và sổ cấp GCN: H00386-2322/QĐ-UBND, ngày 27/10/2009, trên đất có 45 cây mỡ đường kính gốc từ 5 đến 20 cm và 13 gốc cây mỡ đã gia đình bà Nông Thị H đã chặt khai thác trước đó và đang mọc tái sinh mầm cao khoảng 1 mét, theo kết quả định giá 45 cây mỡ có giá trị là 1.028.000 đồng, 18 cây Mạy Pì có giá trị 81.000 đồng, 21 cây gỗ tạp nhóm VIII đường kính gốc từ 5 đến 20 cm có giá trị là 563.000 đồng, theo ông Hoàng Thanh T trình bày ông trồng 130 trên phạm vi đất trống có cây tạp khu vực gần bụi Mạy Pì, nhưng qua kiểm tra không phát hiện có cây mỡ do ông Hoàng Thanh T trồng năm 2022.

[7] Những tình tiết không phải chứng minh: Các đương sự đều thừa nhận từ năm 1995 ông Hoàng Thanh T đã được giao sổ bìa xanh lô 54, đến năm 1997 thì ông Hoàng Thanh T đã chia một phần diện tích cho ông Lộc Văn Đ2 là chồng bà Hoàng Thị T3 là chị gái cả trong gia đình từ đó các bên quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp, khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thì bà Hoàng Thị T3 và ông Hoàng Thanh T cũng xác nhận ranh giới thửa đất của ông Hoàng Thanh T với thửa đất của bà Hoàng Thị T3 tại đường hào dọc từ điểm A đến điểm B nơi tiếp giáp với đất tranh chấp phù hợp với ranh giới được xác định từ năm 1997. Tài sản trên đất là 45 cây mỡ nhiều kích thước khác nhau, ông Hoàng Thanh T thừa nhận do ông Hoàng Văn T6 trồng khoảng năm 2012, đến năm 2014 cây mỡ mọc vượt cỏ thì ông Hoàng Thanh T mới phát hiện. 01 bụi Mạy Pì do bố, mẹ là ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị L1 trồng và không có tranh chấp; các đương sự thừa nhận trước thời điểm phát sinh tranh chấp giữa ông Hoàng Thanh T và bà Nông Thị H năm 2022 thì các đương sự không có tranh chấp khác tại khu vực hiện nay có tranh chấp; thừa nhận các cây tạp trên đất tranh chấp là mọc tự nhiên. Xét thấy các tình tiết sự kiện này các đương sự đều thừa nhận và phù hợp với các chứng cứ có trong vụ án, nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Đánh giá chứng cứ: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do dó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xem xét đánh giá toàn diện vụ án theo khoản 4 Điều 91, 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về căn cứ chứng minh: Về chứng minh quyền quản lý sử dụng đất, nhận thấy, Diện tích tranh chấp đo được là S = 659,1 m^2 (Đỉnh A) nguồn gốc đất tranh chấp, là đất rừng tự nhiên được Nhà nước cấp cho hộ ông Hoàng Thanh T theo quy định của luật đất đai, Ủy ban nhân dân huyện B xác định vị trí tranh chấp tại thửa đất 422, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H được cấp đúng quy trình, và được cấp đổi nhiều lần, lời khai của người có quyền nghĩa vụ liên quan cũng xác nhận biết việc ông Hoàng Thanh T được giao đất nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, có căn cứ xác định, ông Hoàng Thanh T có quá trình quản lý sử dụng đất hợp pháp, được pháp luật thừa nhận phù hợp với

các chứng cứ có trong vụ án. Diện tích đất tranh chấp là cấp cho hộ gia đình ông Hoàng Thanh T. Qua xác minh xác nhận gia đình ông Hoàng Thanh T gồm các thành viên Hoàng Thanh T, Vi Thị P, Hoàng Trọng Q, Hoàng Thị N1. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự này đều xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất là của chung gia đình, chưa chia cho các con, ông Hoàng Thanh T khởi kiện đòi quyền chung cho gia đình.

[10] về căn cứ chứng minh của bị đơn: Bà Nông Thị H không có giấy tờ chứng minh đất là do ông cha để lại và không có tài liệu chứng minh việc mẹ chồng là bà Hoàng Thị L1 chia cho vợ chồng bà, không cung cấp được cứ chứng chứng minh cho quan điểm của mình là có căn cứ về việc đất được chia tại khu vực tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã H cũng khẳng định từ năm 1994 đến trước thời điểm tranh chấp các anh em ruột của ông Hoàng Thanh T không ai có khiếu nại hoặc yêu cầu giải quyết đối với vị trí tranh chấp này. Việc ông Hoàng Văn T6 trồng cây mỡ sau khi ông Hoàng Thanh T được giao đất và vẫn để phát triển là do ông Hoàng Văn T1 và gia đình nghĩ tình anh em ruột, phát hiện sau khi đã trồng nên để cây phát triển và cho khai thác, nên đây không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng, nên căn cứ chứng minh cho yêu cầu quản lý sử dụng đất tranh chấp bà Nông Thị H đưa ra là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[11] Từ những căn cứ nêu trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T buộc bà Nông Thị H và các thành viên trong gia đình trả lại đất và chấm dứt tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích S = 659,1 m^2 thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ộng Hoàng Thanh T và các thành viên gia đình được tiếp tục quản lý sử dụng khu đất tranh chấp.

[12] Về yêu cầu sở hữu cây tạp trên đất tranh chấp: Trên khu đất tranh chấp có 21 cây tạp mọc tự nhiên được có đường kính gốc từ 5 đến 20 cm theo kết quả định giá có tổng giá trị là 563.000 đồng, các bên đều thừa nhận tại mục [6]. Do yêu cầu quyền sử dụng đất được Tòa án chấp nhận tại mục [11] nên ông Hoàng Thanh T và gia đình được quyền sở hữu toàn bộ cây tạp trên đất tranh chấp.

[13] Đối với bụi Mạy Pì: các đương sự đều thừa nhận do ông Hoàng Văn K (chết năm 1984) và vợ là bà Hoàng Thị L1, (chết năm 1999) trồng và thuộc quyền sở hữu của ông bà. Do ông bà đã chết nên Bụi M2 Pì được xác định là di sản thừa kế. Tính đến thời điểm phát sinh tranh chấp năm 2022 thì di sản này đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế. Tại phiên tòa ông Hoàng Thanh T yêu cầu Tòa án tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bụi cây Mạy Pì. Ông Hoàng Thanh T là người thừa kế đang quản lý di sản. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc hàng thừa kế theo pháp luật không có tranh chấp đối với bụi Mạy P1. Do đó có căn cứ xác định bụi Mạy Pì thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự.

[14] Về yêu cầu khai thác, di dời cây mỡ trên đất tranh chấp: Bà Nông Thị H thừa nhận việc trồng cây Mỡ và chăm sóc cây là do ông Hoàng Văn T6 trồng

và không biết nội dung liên quan đến cây chỉ xác định được hiện nay chồng bà đã chết nên là sở hữu của bà. Quá trình ông Hoàng Văn T6 trồng cây mỡ trên đất khoảng năm 2012 mà trước đó đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Thanh T nhưng ông và gia đình không báo chính quyền địa phương yêu cầu dừng hành vi trồng cây và để cây phát triển đến khi thu hoạch. Nên xác định gia đình ông cũng có lỗi trong việc để cây trồng trên đất, đồng thời theo trả lời của Phòng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn huyện B xác định với độ lớn của cây như hiện nay việc di dời đi nơi khác trồng sẽ không bảo đảm khả năng sống và phát triển bình thường. Do đó, yêu cầu khai thác, di dời cây mỡ không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hiện nay cây đang phát triển chưa đủ tuổi và kích thước để khai thác, các cây mỡ bà Nông Thị H đã khai thác hiện nay có 13 gốc chỉ mọc chồi tái sinh các bên xác định giá trị 0 đồng. Do yêu cầu của ông Hoàng Thanh T được tòa án chấp nhận tại mục [11] để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án việc buộc ông Hoàng Thanh T mua lại toàn bộ 45 cây mỡ của bà Nông Thị H trên diện tích tranh chấp theo kết quả định giá là 1.028.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp có căn cứ.

[15] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại số cây mỡ bị nhổ phá: Quá trình giải quyết vụ án bị Nông Thị H thừa nhận nhổ phá 10 cây mỡ của ông Hoàng Thanh T vào tháng 10/2022 và đồng ý bồi thường giá trị là 10.000 đồng/1 cây x 10 cây = 100.000 đồng. Tại phiên tòa ông Hoàng Thanh T đã tự nguyện rút yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các tài liệu thể hiện cây mỡ bị nhổ là tài sản của riêng ông Hoàng Thanh T, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Hoàng Thanh T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định tại Điều 244, khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[16] Đối với những người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị Đ1 và các con là anh Hoàng Hùng T5, chị Hoàng Thị Lan H1, bà Mỗ Thị M và các con là các anh Hoàng Đức T4, Hoàng Đình N và bà Hoàng Thị Đ là con, con dâu, các cháu ruột của ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị L1 là các đương sự có quyền thừa kế đối với bụi Mạy Pì là di sản của ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị L1 để lại, nhưng không yêu cầu được chia hưởng quyền lợi gì về đất tranh chấp và bụi Mạy Pì nói trên. Như phân tích tại mục [13] xác định đã hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế, tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Thanh T là người thừa kế đang quản lý di sản. Riêng chị Hoàng Thị C là con gái của ông Hoàng Văn C1 và bà Mỗ Thị M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để trình bày về quan điểm giải quyết vụ án, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên như đã phân tích nêu trên di sản thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Thanh T nên không ảnh hưởng gì đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[17] Tại phiên tòa bà Mỗ Thị M gửi đơn yêu cầu đem diện tích thửa 422 chia cho 4 anh em ruột của ông Hoàng Thanh T, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của bà và có ý kiến không tranh

chấp gì trong vụ án. Đơn của bà nộp sau thời điểm tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và nội dung đơn không liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà. Do đó, Tòa án không xem xét đơn này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án vẫn đánh giá đầy đủ các nội dung liên quan bảo đảm quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

[18] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.400.000 đồng, đo đạc bản đồ 10.251.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng đã chi 14.651.000 đồng. Xác nhận ông Hoàng Thanh T đã nộp đủ. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Xét về nguyên nhân tranh chấp hoàn toàn là lỗi của bị đơn, yêu cầu của nguyên đơn về giải quyết đất tranh chấp được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bà Nông Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã chi là 14.651.000 đồng để trả lại cho ông Hoàng Thanh T là phù hợp với quy định tại các Điều 157, 158, 161, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[19] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Hoàng Thanh T. Đối với bị đơn cần buộc phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch về giá trị đất có tranh chấp là 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà Nước.

[20] Bản luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[21] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận trong phần quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 189, 169, 190 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203, các khoản 2, 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, các khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 227, điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 158, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T cụ thể:

1**.** Về đất tranh chấp:

1.1. Buộc bà Nông Thị H cùng các thành viên trong gia đình phải trả lại diện tích đất tranh chấp và chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích S = 659,1 m^2 (Đỉnh A) thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Ông Hoàng Thanh T và các thành viên gia đình (gồm: Vi Thị P, Hoàng Trọng Q, Hoàng Thị N1) được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất S = 659,1 m^2 (Đỉnh A) thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp hiện nay do bà Hoàng Thị T3 quản lý, sử dụng ngăn cách nhau bởi đường hào, từ các điểm A đến B có chiều dài 16,04 mét.

- Phía Đông tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ các điểm B, C, D, E có chiều dài 44,53 mét.

- Phía Tây tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ các điểm A, H, G, F có chiều dài 48,78 mét.

- Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp từ điểm E, F có chiều dài là 10,76 mét.

Diện tích tranh chấp là S = 659,1 m^2 có giá trị 3.295.500 đồng.

(theo mảnh trích khu đất tranh chấp đo số 78-2023 ngày 14/7/2023 của Công ty cổ phần T9 Lạng Sơn kèm theo).

2. Ông Hoàng Thanh T phải thanh toán cho bà Nông Thị H giá trị 45 cây mỡ là 1.028.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng). Ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu 45 cây mỡ, 13 gốc cây mỡ đã cắt gốc hiện mọc tái sinh. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Nông Thị H chấm dứt quyền sở hữu đối với toàn bộ số cây mỡ trên diện tích 659,1 m^2 (Đỉnh A).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Ông Hoàng Thanh T và các thành viên gia đình (gồm: Vi Thị P, Hoàng Trọng Q, Hoàng Thị N1) được quyền sở hữu toàn bộ cây tạp trên diện tích 659,1 m^2 (Đỉnh A) thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu 01 bụi Mạy Pì trên diện tích 659,1 m^2 (Đỉnh A) thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 65 cây mỡ của ông Hoàng Thanh T. Ông Hoàng Thanh T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

6. Không chấp nhận yêu cầu khai thác, di dời cây mỡ trên diện tích 659,1 m^2 (Đỉnh A) thuộc một phần tại thửa đất 422 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp

số 3 xã H, tên địa danh là Pò L thuộc thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

7**.** Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đo đạc bản đồ:

7.1. Xác nhận ông Hoàng Thanh T đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc bản đồ đã chi là 14.651.000 đồng.

7.2. Buộc bà Nông Thị H phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc bản đồ là 14.651.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn), để trả lại cho ông Hoàng Thanh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về án phí:

8.1. Trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông Hoàng Thanh T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005645 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

8.2. Bà Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

9. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N2 cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Khởi